

Bản án số: **36/2021/HS-ST**
Ngày 14 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung.

Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hào;

Bà Nguyễn Thị Tâm;

Bà Trịnh Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 15/5/1994 tại tỉnh Hà Nam;

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã T, T phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị N; anh chị em ruột: 03 anh chị em, bị cáo là thứ 3; có vợ Nguyễn Thị M (đã ly hôn) và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông **Phạm Mạnh Hùng** – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hồng Hà – Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại Ma Thị N (đã chết):** Bà **Ma Thị L**, sinh năm 1953, Là Mẹ đẻ của bị hại Ma Thị N;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu **Triệu Minh Đ**, sinh năm 2007.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

2. Cháu **Triệu Thị Thu T1**, sinh năm 2009.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

3. Anh **Đặng Hữu B**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Tú Thịnh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

4. Ông **Vũ Đức T2**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*có mặt*).

5. Anh **Phạm Minh Đ2**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (*vắng mặt*).

** Người làm chứng:*

1. Anh **Ma Văn C**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

2. Bà **Lý Thị V**, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

3. Anh **Triệu Văn T3**, sinh năm 1980; (*Người đại diện theo pháp luật của cháu Triệu Minh Đ và cháu Triệu Thị Thu T*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*có mặt*).

4. Chị **Hoàng Thị Linh H**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

5. Anh **Đặng Văn S**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (*vắng mặt*).

6. Bà **Lâm Thị Hồng P**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

7. Anh **Bé Tuấn V2**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

8. Anh **Ma Văn D**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (*có mặt*).

9. Chị **Nguyễn Diệu L**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường X, quận N, T phố Hà Nội. (*vắng mặt*).

10. Anh **Trần Văn C1**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

11. Anh **Ma Văn T4**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

12. Anh **Ma Ngọc H2**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*).

13. Chị **Ma Thị H3**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt).

14. Chị **Hồ Thị L3**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt).

15. Chị **Lô Thị T5**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt).

16. Chị **Bùi Thị Bích H4**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt).

17. Anh **Phạm Hùng M**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt).

18. Bà **Trần Thị X**, Sinh năm 1936;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt).

19. Anh **Nguyễn Ngọc S2**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2020, thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Văn T sinh ngày 15/5/1994, cư trú tại thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam quen biết chị Ma Thị N, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, sau đó giữa T và chị N phát sinh quan hệ tình cảm.

Đầu tháng 3/2021, do nghi ngờ chị N có quan hệ với người đàn ông khác, T đã nhiều lần nhắn tin cho chị N rồi xảy ra mâu thuẫn ghen tuông nhưng hai bên vẫn nhắn tin cho nhau, thông qua việc nhắn tin T biết được ngày 11/4/2021, chị N sẽ về nhà. Sáng ngày 09/4/2021, T đón xe khách đi đến nhà chị N thì gặp cháu Triệu Minh Đ, sinh ngày 05/9/2007 (con của chị N), T ngủ lại chờ chị N về. Trưa ngày 11/4/2021, chị N về nhà thấy T nhưng không nói gì. Khoảng 23 giờ (cùng ngày), cháu Đ đi sang nhà bà Lý Thị V (Bà nội ở cạnh nhà chị N) ngủ, chị N và cháu Triệu Thị Thu T, sinh ngày 11/3/2009 (con của chị N) nằm ngủ tại phòng của chị N, còn T nằm tại phòng ngủ của cháu Đ. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, T nghe thấy tiếng chuông điện thoại của chị N, rồi nghe thấy chị N nói chuyện qua điện thoại với 01 người đàn ông, T bực tức, ghen tuông nhưng không nói gì.

Khoảng 07 giờ ngày 12/4/2021, sau khi đưa cháu T1 đi học tại Trường phổ thông dân tộc nội trú ATK S chị N đi về nhà, lúc này T đã dậy. Thấy chị N đi vào phòng ngủ của mình, T liền đi theo để làm lạnh, tại phòng ngủ T và chị N đã quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, T đứng dưới nền nhà mặc quần, chị N ngồi trên giường đang chuẩn bị mặc quần thì T hỏi “*Đêm qua thằng nào gọi muộn thế*”, chị N trả lời “*Làm đéo gì có thằng nào, mà lúc nào cũng nghi ngờ thằng này, thằng khác*”, T nói “*Không có thằng nào gọi thì đưa máy điện thoại đây để xem, tao nghe rõ tiếng đàn ông*”, chị N nói “*Không phải đưa, nếu đéo tin tưởng thì chia tay mẹ đi*”.

Nghe nói vậy, T bực tức giằng quần chị N đang mặc ném xuống cuối giường và nói “*Địt mẹ mày, ngựa quen đường cũ*”, chị N nói “*Mày bảo ai ngựa quen đường cũ*”, đồng thời vung tay phải lên tát vào má trái T. T lao vào dùng tay phải bóp cổ chị N và nói “*Địt mẹ con chó mày tát ai đấy*”, chị N cũng dùng tay phải bóp cổ T, T dùng tay trái gạt tay phải của chị N ra rồi lên giường xoay người ra phía sau, vòng tay trái qua cổ, rồi siết cổ chị N ngửa về phía sau (T nằm ngửa phía dưới, chị N nằm ngửa phía trên), hai chân quặp vào hai chân chị N. Chị N dùng tay phải kéo tay của T, cào vào vùng cổ, đẩy vào cằm làm môi của T vấp vào răng chảy máu. T vừa bóp, vừa siết cổ được một lúc, thấy chị N không chống cự, T tiếp tục đổi tư thế, dùng tay trái bóp cổ, tay phải vòng tay qua cổ chị N siết chặt. Khoảng 05 phút sau thấy chị N không có phản ứng thì T đẩy chị N ra khỏi người, chị N nằm ngửa, T ngồi lên trên đùi chị N kiểm tra thấy chị N không còn thở thì xác định chị N đã chết. T lấy quần dài mặc cho chị N rồi lấy điện thoại của mình nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho chị Nguyễn Diệu L2 ở tổ dân phố H, phường X, quận N, thành phố Hà Nội với nội dung thông báo việc T giết chết chị N, do chị L2 không tin nên T chụp ảnh chị N nằm chết trên giường gửi cho chị L2 xem thì chị L2 khuyên T đi đầu thú để được giảm nhẹ tội. Sau đó T tiếp tục nhắn tin cho anh Trần Văn C1 ở thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam thông báo việc T vừa giết chết chị N nhưng anh C1 không tin thì T gửi ảnh cho anh C1, anh C1 khuyên T đi đầu thú để được giảm nhẹ tội.

Sau đó, T lục tủ tìm tài sản, lấy 1.235.000đ ở túi áo trong tủ của chị N và 01 chìa khóa xe mô tô. T mở cốp xe mô tô SH biển số 22S1-354.70 của chị N lấy 30.000.000đ, sau khi lấy được tiền T nảy sinh ý định tự tử. T lấy xe mô tô của chị N đi ra quán bán phân bón, thuốc trừ sâu của anh Bế Tuấn V2 ở thôn A, xã T mua 01 gói thuốc trừ sâu KASAKUSA 95EC/A99; 01 lọ thuốc diệt cỏ ATRACO 500SC và đến hàng tạp hóa của chị Lâm Thị Hồng P ở thôn A, xã T, huyện S mua 03 lon nước ngọt Hổ vằn. Do không dám tự tử, T nhờ chị P gọi xe taxi của anh Vũ Đức T2 ở thôn A, xã T, huyện S đón T. Sau đó T về nhà chị N cất xe mô tô và vào bàn trang điểm trong phòng ngủ của chị N uống 01 lon nước ngọt. Khi anh Vũ Đức T2 lái xe ô tô đến, T mang theo 02 lon nước ngọt lên xe bảo anh Vũ Đức T2 đưa đến thị trấn S, huyện S. Khi đến thị trấn S, T thanh toán cho anh Vũ Đức T2 200.000đ và gọi xe taxi của anh Đặng Hữu B ở thôn Đ, xã T, huyện S chở T đến Khách sạn N ở tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam do Bùi Thị Bích H4 là chủ Khách sạn (T trả tiền taxi hết 1.600.000đ). Đến chiều cùng ngày T nhờ Nguyễn Ngọc S2 ở tổ 1, phường Q, T phố P, tỉnh Hà Nam mua ma túy về sử dụng và đưa 2.500.000đ cho S2 (S2 không thừa nhận mua ma túy cho T). Sau đó T đến nhà Phạm Minh Đ2 ở thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam trả 17.000.000đ (do T vay của Đ2 từ trước, Đ2 không biết tiền do T phạm tội mà có). Đến ngày 14/4/2021 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang bắt giữ tại thành phố P, tỉnh Hà Nam. Xét nghiệm tìm chất ma túy, kết quả Nguyễn Văn T (+) dương tính với Moma và Methaphatamine.

Tại Kết luận giám định số 20/GĐVTh 21 ngày 29/4/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận đối với Ma Thị N:

Da: Tổ chức dưới da (Mô liên kết) chảy máu, tụ máu; Niêm mạc: Xung huyết; Tim: Xung huyết; Phổi: Phù, xung huyết mạnh. Nhiều vùng phế nang rách đứt thông nhau chứa dịch hồng và hồng cầu; Gan: Viêm gan mãn; Thận: Xung huyết.

Tại Kết luận giám định số 176/157/218/21/ĐC ngày 06/5/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, Kết luận: Trong mẫu phủ tạng và máu vụ Ma Thị N, sinh năm 1988 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang gửi tới giám định ngày 13/4/2021 không tìm thấy các chất độc.

Tại Kết luận giám định số 82/TT21 ngày 09/6/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận nguyên nhân chết của Ma Thị N: Ngạt do chèn ép vùng cổ.

Tại Kết luận giám định số 2898/C09-TT3 ngày 17/5/2021 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an, Kết luận:

1. Trong mẫu ghi thu dịch âm đạo của tử thi Ma Thị N - ký hiệu A1 gửi giám định có tinh trùng của một người nam giới.

2. Trên mẫu móng tay ghi thu của tử thi Ma Thị N - ký hiệu A2 gửi giám định có ADN của Ma Thị N và của người nam giới đã để lại dấu vết tinh trùng trong mẫu ghi thu dịch âm đạo của tử thi Ma Thị N.

3. Sợi nghi lông tóc ghi thu ở bàn tay trái của tử thi Ma Thị N - ký hiệu A3 gửi giám định là lông tóc của Ma Thị N.

4. Dấu vết màu đỏ ghi thu trong lòng bàn tay trái của tử thi Ma Thị N - ký hiệu A4 là máu của Ma Thị N.

5. ...

Tại Kết luận giám định số 3090/C09-TT3 ngày 31/5/2021 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an, Kết luận:

1. Nguyễn Văn T có kiểu Gen trùng hoàn toàn với kiểu Gen thu được từ tinh trùng trong mẫu ghi thu dịch âm đạo của tử thi Ma Thị N và kiểu Gen thu được từ mẫu móng tay ghi thu của tử thi Ma Thị N gửi giám định.

2. ...

Cáo trạng số 43/CT-VKS-P2 ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về 02 tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 39; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử

phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù Chung thân về tội giết người, xử phạt tù 06 đến 07 năm tù về tội Cướp tài sản; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo với người đại diện bị hại bà Ma Thị L và anh Triệu Văn T3 cụ thể:

Bị cáo bồi thường cho bà Ma Thị L 52.000.000đ mai táng phí; 50.000.000đ tổn thất tinh thần; số tiền cướp của chị N chưa thu giữ được là 6.535.000đ;

Bị cáo bồi thường cho cháu Triệu Minh Đ, Triệu Thị Thu T1 số tiền 99.000.000đ (49.500.000đ/cháu) tổn thất tinh thần; bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T1 750.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Ma Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu đen - xám trong máy gắn 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel, trên sim có các dãy số 09840 48000 05135 1279. Điện thoại cũ, xước nứt màn hình đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, hiện máy không hoạt động được không lên nguồn, không xác định được số IMEI. (Điện thoại di động của Ma Thị N);

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 869991051282952, số IMEI 2: 869991052362951, bên trong điện thoại có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, trên sim có các dãy số: 89840 48000 31935 9979. Điện thoại cũ, xước đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (Điện thoại di động của Nguyễn Văn T) (MK hình 25789), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng khác không còn giá trị đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bà Ma Thị L là người đại diện hợp pháp của bị hại Ma Thị N nhất trí với thỏa thuận về bồi thường tiền mai táng phí, tổn thất tinh thần; Về hình phạt, bà đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật, đề nghị xử phạt tử hình đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Luật sư Phạm Mạnh Hùng trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do vậy đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố.

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày lời tự bào chữa: Nhất trí như luận cứ bào chữa của luật sư, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, hiện tại gia đình bị cáo rất khó khăn nên chưa bồi thường được cho gia đình bị hại được. Nay người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản mai táng phí, tổn thất tinh thần, cấp dưỡng nuôi con bị cáo hoàn toàn nhất trí không có ý kiến gì.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm được trở về với gia đình và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 07 giờ ngày 12/4/2021, tại nhà ở của chị Ma Thị N thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nguyễn Văn T cư trú tại thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam do ghen tuông, mâu thuẫn, cãi nhau với chị Ma Thị N. T đã có hành vi dùng tay phải bóp cổ, vòng tay trái qua cổ rồi siết cổ chị N, sau khoảng 2 phút T đổi tư thế, dùng tay trái bóp vào cổ, tay phải vòng tay qua cổ siết cổ chị N dẫn đến hậu quả chị N chết. Sau khi giết chị N, T có hành vi cướp tài sản chiếm đoạt 31.235.000đ (*Ba mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) của chị Ma Thị N.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức về hành vi của mình nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chỉ vì một mâu thuẫn do ghen tuông nhỏ nhặt trong cuộc sống, bị cáo đã có hành vi dùng tay bóp cổ, dùng tay kẹp, xiết cổ bị hại và dùng tay của mình để siết, bóp cổ bị hại dẫn đến bị hại chết. Hành vi này thể hiện tính chất côn đồ của bị cáo, chỉ vì sự ghen tuông vô cớ của bị cáo đối với bị hại mà thực hiện hành vi giết người; quá trình bóp, xiết cổ chị N bị cáo dùng tay trái bóp cổ, tay phải kẹp xiết cổ, sau đó đổi tay dùng tay phải bóp cổ, tay trái xiết cổ bị hại, thể hiện hành động của bị cáo là phạm tội đến cùng, nhằm giết bằng được bị hại; hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường tính mạng người khác, coi thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo điểm e, n khoản 1, Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự về tội

Giết người và tội Cướp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa T khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại bà Ma Thị L và người đại diện hợp pháp của cháu Triệu Minh Đ, Triệu Thị Thu T1 là anh Triệu Văn T3 bố đẻ của cháu Đ, cháu T1 yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí hợp lý gồm:

- Bồi thường cho bà Ma Thị L tiền mai táng phí số tiền là 52.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần 100 tháng lương cơ sở tương đương 149.000.000đ trong đó bồi thường cho bà Ma Thị L 50.000.000đ, bồi thường cho cháu Triệu Minh Đ, Triệu Thị Thu T1 mỗi cháu 49.500.000đ.
- Bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T1 mỗi cháu 750.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
- Bồi thường cho bà Ma Thị L số tiền 6.535.000đ bị cáo chiếm đoạt của chị N bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Bị cáo Nguyễn Văn T nhất trí với yêu cầu bồi thường mà bà Ma Thị L và anh Triệu Văn T3 đề nghị.

Xét, sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, anh Triệu Văn T3 về số tiền bồi thường dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 207.535.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được bị cáo hoàn toàn nhất trí. Xét sự thỏa thuận trên là có căn cứ, hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, anh Triệu Văn T3.

Anh Triệu Văn T3 là bố đẻ của cháu Đ, cháu T1, năm 2017 anh T3 và chị N ly hôn, theo quyết định ly hôn thì chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu T1; Hội đồng xét xử thấy rằng theo quyết định ly hôn thì anh Triệu Văn T3 không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu T1, tuy nhiên kết quả xác minh của cơ quan điều tra thể hiện sau khi chị N bị giết hại, mặc dù anh T3 chưa làm các thủ tục pháp lý yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nhưng sau khi chị N chết, anh T3 đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu T1. Hơn nữa theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Dân sự 2015 thì Cha, mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, chị N đã chết do vậy anh Triệu Văn T3 là người đại diện đương nhiên của cháu Đ và cháu T1; Do đó anh T3 là người được quyền đề nghị mức cấp dưỡng, được quyền đề

ngộ thi hành án, và là đại diện nhận số tiền cấp dưỡng đối với phần nghĩa vụ bị cáo phải cấp dưỡng đối với cháu Đ, cháu T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 17.000.000đ cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Phạm Minh Đ2, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, số tiền này do bị cáo T cướp được của chị Ma Thị N, là vật chứng vụ án vì vậy cần thu hồi và trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp; đối với số tiền bị cáo còn nợ anh Phạm Minh Đ2, anh Đ2 có quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu, vật chứng liên quan đến vụ án được thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, Hội đồng xét xử thấy cần xử lý như sau:

- Trả lại cho bà Ma Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu đen - xám trong máy gắn 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel, trên sim có các dãy số 09840 48000 05135 1279. Điện thoại cũ, xước nứt màn hình đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, hiện máy không hoạt động được không lên nguồn, không xác định được số IMEI. (Điện thoại di động của Ma Thị N);

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 869991051282952, số IMEI 2: 869991052362951, bên trong điện thoại có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, trên sim có các dãy số: 89840 48000 31935 9979. Điện thoại cũ, xước đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (Điện thoại di động của Nguyễn Văn T) (MK hình 25789), Chiếc điện thoại này bị cáo dùng chụp ảnh chị N sau khi giết hại chị N, nhưng không phải là công cụ, phương tiện gây án nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng khác không còn giá trị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị N cơ quan điều tra thu hồi được 24.700.000đ, ngày 10/8/2021 cơ quan điều tra đã trả số tiền 24.700.000đ cho bà Ma Thị L là người đại diện hợp pháp của chị Ma Thị N; đối với số tiền 6.535.000đ chưa thu hồi được cần buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bà Ma Thị L.

[6] Về luận cứ bào chữa của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt đối với cả 2 tội, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là đặc nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức phạm tội đến cùng do vậy không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

Đối với đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị hại Ma Thị L đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tử hình đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là đặc nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, T khẩn khai báo, đây là lần phạm tội đầu tiên, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt tử hình đối với bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật nói chung.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm e, n khoản 1 Điều 123; Khoản 1 Điều 168, Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 39; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

1. *Tuyên bố:* Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T tù Chung thân về tội giết người; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù về tội Cướp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/4/2021.

2. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Công nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường dân sự giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, anh Triệu Văn T, bị cáo phải bồi thường các khoản như sau:

- Bồi thường cho bà Ma Thị L Tiền mai táng phí số tiền là 52.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần 100 tháng lương cơ sở tương đương 149.000.000đ trong đó bồi thường cho bà Ma Thị L 50.000.000đ, bồi thường cho cháu Triệu Minh Đ, Triệu Thị Thu T1 mỗi cháu 49.500.000đ
- Bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T1 mỗi cháu 750.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
- Bồi thường cho bà Ma Thị L số tiền 6.535.000đ bị cáo chiếm đoạt của chị N bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bà Ma Thị L là 108.535.000 đồng (*Một trăm linh tám triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*); bồi thường cho cháu Đ là 49.500.000 đồng (*bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*); bồi thường cho cháu T1 là 49.500.000 đồng (*bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần và khoản tiền cấp dưỡng cho cháu Đ, cháu T1, giao cho anh Triệu Văn T3 (là bố đẻ cháu Đ, cháu T1) là người đại diện theo pháp luật được nhận và có quyền yêu cầu thi hành án.

Khoản tiền bồi thường kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Ma Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, vỏ màu đen - xám trong máy gắn 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel, trên sim có các dãy số 09840 48000 05135 1279. Điện thoại cũ, xước nứt màn hình đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, hiện máy không hoạt động được không lên nguồn, không xác định được số IMEI. (Điện thoại di động của Ma Thị N);

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 869991051282952, số IMEI 2: 869991052362951, bên trong điện thoại có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, trên sim có các dãy số: 89840 48000 31935 9979. Điện thoại cũ, xước đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (Điện thoại di động của Nguyễn Văn T) (MK hình 25789), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) túi ni lông màu hồng bên trong có 01 (một) gói thuốc trừ sâu KASAKUSA 95EC/A99 và 01 (một) lọ thuốc trừ cỏ Atraco 500SC còn nguyên chưa bóc, được niêm phong;

01 (một) đầu mẫu thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, được niêm phong;

01 (một) bình nước màu vàng, cao 18cm, đường kính đáy 8,2cm, được niêm phong;

01 (một) vỏ lon nước hồ vằn màu xanh, được niêm phong;

01 (một) quần soóc màu ghi, được niêm phong;

01 (một) quần vải dài màu đen và 01 (một) quần lót nữ, được niêm phong;

01 (một) bộ quần áo mặc ngoài của tử thi, được niêm phong;

01 (một) giấy bạc có chiều dài 89cm, chỗ rộng nhất 3,6cm (đã qua sử dụng);

01 (một) đoạn nhựa hình trụ màu xanh, dài 6,1cm, đường kính chỗ rộng nhất 01cm, một đầu nhọn (đã qua sử dụng);

01 (một) đoạn nhựa hình trụ màu xanh dài 8,1cm, đường kính 02cm, được uốn cong ở đoạn giữa, hai điểm thấp nhất của đầu đoạn nhựa cách nhau 6,3cm (đã qua sử dụng);

01 (một) đoạn tre hình trụ (đoạn tre khô), dài 4,6cm, đường kính chỗ rộng nhất 0,8cm, một đầu nhọn (đã qua sử dụng);

01 (một) túi xách màu đen, loại túi xách có 02 quai xách và có tay kéo túi xách bằng nhựa màu đen, một mặt của túi có khâu hai miếng da hình tam giác màu vàng (đã qua sử dụng);

01 (một) quần dài loại quần bò màu xanh, phía trước hai bên ống quần đã bạc màu và sờn rách (đã qua sử dụng);

01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen, phía trước bên trái của áo có hoa văn màu đỏ, đen, nâu (đã qua sử dụng);

01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen (đã qua sử dụng);

01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen, phần cổ áo màu trắng, có hoa văn màu vàng, phía trước bên trái của áo có hoa văn hình tròn màu vàng - trắng (đã qua sử dụng);

01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, phần cổ áo sẫm màu (đã qua sử dụng);

01 (một) áo thu đông nam dài tay màu đen, cổ tròn, trên cổ áo khâu một miếng vải màu đen có dòng chữ “Lestat”, phía trước của áo có may hình động vật (đã qua sử dụng);

01 (một) áo khoác (loại áo bò dài tay) màu đen, phía sau có hình động vật, cũ (đã qua sử dụng);

01 (một) áo phông cộc tay màu trắng, trên cổ áo có dòng kẻ ngang màu đen, cũ (đã qua sử dụng);

01 (một) quần lót nam màu đen, phần cạp quần màu trắng, phía trước có dòng chữ “Calvin Klen” màu nâu, cũ (đã qua sử dụng);

01 (một) phong bì được niêm phong mặt trước ghi “Que thử chất ma túy Nguyễn Văn T”, mặt sau có 02 chữ ký của Nguyễn Văn T, 01 chữ ký của Tạ Ngọc Liên và 03 hình dấu của UBND phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ở các mép dán;

01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước ghi Bộ Công an - Viện khoa học hình sự, số 2898/C09 - TT3 và chữ số 328SV/21, mặt sau có chữ ký và hình dấu của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an ở mép dán;

01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước ghi Bộ Công an - Viện khoa học hình sự, số 3090/C09 - TT3 và chữ số 340SV/21, mặt sau có chữ ký và hình dấu của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an ở mép dán.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 30/8/2021).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 10.376.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, 300.000 đồng án phí cấp

duỡng. Tổng cộng là 10.876.750 đồng (Mười triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, anh Triệu Văn T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/9/2021; người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Q (CQCSĐT, Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo; người ĐDHP cho bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ma Ngọc Trung